**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---

# BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 03/2026/CBHQ/TN/LA VIE

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH LA VIE**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 027 23511801 Fax: 0272 3511740

E-mail: VNInfo@laviewater.com

**CÔNG BỐ:**

Sản phẩm: **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI CÓ KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE VỊ DỊU NHẸ**

Thành phần: Nước uống, Nước khoáng thiên nhiên.

Quy cách đóng gói: Đóng chai với các thể tích thực 350 ml; 500 ml; 1,5 L; 5 L và các quy cách khác như được sản xuất và công bố trong Bản tự công bố sản phẩm tương ứng tại từng thời điểm.

**Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:**

QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

**Thông tin bổ sung:**

- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Kết quả tự đánh giá hợp quy của Công ty TNHH La Vie số 03/2026/CBHQ/TN/LA VIE ngày 09/11/2026.

- Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326A088925 (MTTN26012572.02) ngày 31/07/2026 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 1 - Thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa.

**Loại hình đánh giá:**

- Tự đánh giá: Theo báo cáo tự đánh giá hợp quy số 03/2026/CBHQ/TN/LA VIE ngày 09/11/2026 của Công ty TNHH La Vie.

Cam kết: Công ty TNHH La Vie cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga do công ty sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng.

*Tây Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 1100101187 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE - T. TÂY NINH - VIỆT NAM

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Hữu Hào**

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY TNHH LA VIE**<br>---<br>Số: 03/2026/CBHQ/TN/LA VIE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---<br>*Tây Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026* |

# BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LA VIE**

   Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

   Điện thoại: 027 23511801 Fax: 0272 3511740

2. **Tên sản phẩm:**
   **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI CÓ KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE VỊ DỊU NHẸ**

   Thành phần: Nước uống, Nước khoáng thiên nhiên.

   Đóng chai tại: Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

3. **Địa điểm, ngày đánh giá:**
   Địa điểm: Công ty TNHH La Vie
   Ngày đánh giá: 09/11/2026

4. **Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

   QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

5. **Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:**

   Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3).

6. **Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

**6.1. Phương thức đánh giá:**

**Phương thức 1:** Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa.

**6.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:**

- Các chỉ tiêu phân tích đối với mẫu nước thử nghiệm theo yêu cầu tại QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

- Kết quả thử nghiệm chất lượng Nước uống đóng chai có khoáng thiên nhiên La Vie vị dịu nhẹ theo phiếu kiểm nghiệm số Q326A088925 (MTTN26012572.02) ngày 31/07/2026 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

**CÁC CHỈ TIÊU HÓA HỌC**

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | QCVN 6-1:2010/BYT | Kết quả kiểm nghiệm (*) | Đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Stibi | mg/l | ≤ 0,02 | Không phát hiện (LOD = 0,003) | Đạt |
| 2 | Arsen | mg/l | ≤ 0,01 | Không phát hiện (LOD = 0,0005) | Đạt |
| 3 | Bari | mg/l | ≤ 0,7 | <0,02 (LOQ) (LOD = 0,01) | Đạt |
| 4 | Bor | mg/l | ≤ 0,5 | 0,02 | Đạt |
| 5 | Bromat | mg/l | ≤ 0,01 | Không phát hiện (LOD = 0,004) | Đạt |
| 6 | Cadmi | mg/l | ≤ 0,003 | Không phát hiện (LOD = 0,0005) | Đạt |
| 7 | Clor | mg/l | ≤ 5 | Không phát hiện (LOD = 0,02) | Đạt |
| 8 | Clorat | mg/l | ≤ 0,7 | Không phát hiện (LOD = 0,01) | Đạt |
| 9 | Clorit | mg/l | ≤ 0,7 | Không phát hiện (LOD = 0,01) | Đạt |
| 10 | Crom | mg/l | ≤ 0,05 | Không phát hiện (LOD = 0,003) | Đạt |
| 11 | Đồng | mg/l | ≤ 2 | Không phát hiện (LOD = 0,01) | Đạt |
| 12 | Cyanid | mg/l | ≤ 0,07 | Không phát hiện (LOD = 0,005) | Đạt |
| 13 | Fluorid | mg/l | ≤ 1,5 | <0,1 (LOQ) (LOD = 0,03) | Đạt |
| 14 | Chì | mg/l | ≤ 0,01 | Không phát hiện (LOD = 0,003) | Đạt |
| 15 | Mangan | mg/l | ≤ 0,4 | Không phát hiện (LOD = 0,01) | Đạt |
| 16 | Thủy ngân | mg/l | ≤ 0,006 | Không phát hiện (LOD = 0,0002) | Đạt |
| 17 | Molybden | mg/l | ≤ 0,07 | Không phát hiện (LOD = 0,003) | Đạt |
| 18 | Nickel | mg/l | ≤ 0,07 | Không phát hiện (LOD = 0,003) | Đạt |
| 19 | Nitrat, tính theo ion nitrat | mg/l | ≤ 50 | 0,5 | Đạt |
| 20 | Nitrit, tính theo ion nitrit | mg/l | ≤ 3 | Không phát hiện (LOD = 0,02) | Đạt |
| 21 | Selen | mg/l | ≤ 0,01 | Không phát hiện (LOD = 0,003) | Đạt |
| 22 | Mức nhiễm xạ | | | | |
| | - Hoạt độ phóng xạ α | Bq/l | ≤ 0,5 | Không phát hiện (LOD = 0,02) | Đạt |
| | - Hoạt độ phóng xạ β | Bq/l | ≤ 1 | Không phát hiện (LOD = 0,2) | Đạt |

**CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT**

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | QCVN 6-1:2010/BYT | Kết quả kiểm nghiệm | Đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | E. coli hoặc coliform chịu nhiệt | CFU/250ml | Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào | < 1 (*) | Đạt |
| 2 | Coliform tổng số | CFU/250ml | Nếu số vi khuẩn ≥ 1 và ≤ 2 thì kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn > 2 thì loại bỏ | < 1 (*) | Đạt |
| 3 | Streptococci feacal | CFU/250ml | | < 1 (*) | Đạt |
| 4 | Pseudomonas aeruginosa | CFU/250ml | | < 1 (*) | Đạt |
| 5 | Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit | CFU/50ml | | < 1 (*) | Đạt |

(*) Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm.

**7. Kết luận:**

Sản phẩm Nước uống đóng chai có khoáng thiên nhiên La Vie vị dịu nhẹ phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

**8. Cam kết:**

Công ty TNHH La Vie cam kết chất lượng sản phẩm Nước uống đóng chai có khoáng thiên nhiên La Vie vị dịu nhẹ phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

**Người đánh giá**
*(ký và ghi rõ họ tên)*

Đỗ Tri Dũng

**Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân**
*(ký tên, chức vụ, đóng dấu)*

M.S.D.N: 1100101187 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE - T. TÂY NINH - VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

| Q326A088925 (MTTN26012572.02) | **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT* | 31/07/2026 Trang/ *Page:* 1/4 |
|---|---|---|

1. Tên mẫu : **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI LA VIE VỊ DỊU NHẸ 500mL**
**Thời gian lấy mẫu: 08h33, 17/07/2026**

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: chai nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 500 mL x 10
- Xem hình kèm theo

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 21/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm : 21/07/2026 - 31/07/2026

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE**
**Quốc lộ 1A, Khu phố Trường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

**TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**

**Nguyễn Hoàng Linh**

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

**Phan Thành Trung**

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.*

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: dh.cs@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1198 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925
(MTTN26012572.02)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

31/07/2026



| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Phương pháp thử | Kết quả thử nghiệm | Giới hạn phát hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.1 | Hàm lượng bicarbonate ($HCO_3^-$) | mg/L | SMEWW 2320B:2023 | 52,5 | - |
| 7.2 | Hàm lượng canxi (Ca) | mg/L | SMEWW 3120B:2023 | 2,85 | - |
| 7.3 | Hàm lượng magie (Mg) | mg/L | SMEWW 3120B:2023 | 1,06 | - |
| 7.4 | Hàm lượng natri (Na) | mg/L | SMEWW 3111B:2023 | 20,9 | - |
| 7.5 | Coliforms | CFU/250mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | $<1^{(c)}$ | - |
| 7.6 | Escherichia coli | CFU/250mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016 | $<1^{(c)}$ | - |
| 7.7 | Pseudomonas aeruginosa | CFU/250mL | ISO 16266:2006 | $<1^{(c)}$ | - |
| 7.8 | Enterococci (Streptococci faecal) | CFU/250mL | ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT) | $<1^{(c)}$ | - |
| 7.9 | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia) | CFU/50mL | ISO 6461-2:1986 | $<1^{(c)}$ | - |
| 7.10 | Hàm lượng stibi (Sb) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,003 |
| 7.11 | Hàm lượng asen (As) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,0005 |
| 7.12 | Hàm lượng bari (Ba) | mg/L | US EPA 200.8 | < 0,02 (LOQ) | 0,01 |
| 7.13 | Hàm lượng bor (B) | mg/L | US EPA 200.8 | 0,02 | - |
| 7.14 | Hàm lượng bromat ($BrO_3^-$) | mg/L | SMEWW 4110D:2023 | KPH | 0,004 |
| 7.15 | Hàm lượng cadmi (Cd) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,0005 |
| 7.16 | Hàm lượng tổng clo ($Cl_2$) | mg/L | TCVN 6225–2:2021 | KPH | 0,02 |
| 7.17 | Hàm lượng clorate ($ClO_3^-$) | mg/L | SMEWW 4110D:2023 | KPH | 0,01 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.*

Q326A088925
(MTTN26012572.02)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

31/07/2026



| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Phương pháp thử | Kết quả thử nghiệm | Giới hạn phát hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.18 | Hàm lượng clorit ($ClO_2^-$) | mg/L | SMEWW 4110D:2023 | KPH | 0,01 |
| 7.19 | Hàm lượng crom (Cr) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,003 |
| 7.20 | Hàm lượng đồng (Cu) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,01 |
| 7.21 | Hàm lượng cyanid ($CN^-$) | mg/L | TCVN 6181:1996 | KPH | 0,005 |
| 7.22 | Hàm lượng fluorid ($F^-$) | mg/L | SMEWW 4110B:2023 | < 0,1 (LOQ) | 0,03 |
| 7.23 | Hàm lượng chì (Pb) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,003 |
| 7.24 | Hàm lượng mangan (Mn) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,01 |
| 7.25 | Hàm lượng thủy ngân (Hg) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,0002 |
| 7.26 | Hàm lượng molybden (Mo) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,003 |
| 7.27 | Hàm lượng niken (Ni) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,003 |
| 7.28 | Hàm lượng nitrat ($NO_3^-$) | mg/L | SMEWW 4110B:2023 | 0,5 | - |
| 7.29 | Hàm lượng nitrit ($NO_2^-$) | mg/L | SMEWW 4110B:2023 | KPH | 0,02 |
| 7.30 | Hàm lượng selen (Se) | mg/L | US EPA 200.8 | KPH | 0,003 |
| 7.31 | Hoạt độ phóng xạ beta tổng | Bq/L | SMEWW 7110B:2023 | KPH | 0,2 |
| 7.32 | Hoạt độ phóng xạ alpha tổng | Bq/L | SMEWW 7110B:2023 | KPH | 0,02 |

**Ghi chú:**

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.*

Q326A088925
(MTTN26012572.02)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

31/07/2026



- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc




1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .*
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
*The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.*